

Số: 52/2022/QĐST-HNGĐ

Nguyễn Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Mùi C; sinh ngày: 16/7/1994;

Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Quỳ V; sinh ngày: 07/5/1989;

Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thanh Hiếu - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch chi nhánh huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Mùi C và anh Hoàng Quỳ V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Triệu Mùi C và anh Hoàng Quỳ V cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Triệu Mùi C và anh Hoàng Quỳ V cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Triệu Ngọc Hà, sinh ngày 21/01/2014; Triệu Ngọc Hương, sinh ngày 08/12/2015; Triệu Văn D, sinh ngày 06/12/2017. Hiện nay, 03 con đang sống với chị C tại xóm H, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Chị C, anh V thỏa thuận, sau khi ly hôn, anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Triệu Văn D, chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Triệu Ngọc Hà và Triệu Ngọc Hương cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị C, anh V được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Chị Triệu Mùi C và anh Hoàng Quỳ V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về thanh toán nợ chung:** Chị Triệu Mùi C và anh Hoàng Quỳ V cùng xác nhận, năm 2018, vợ chồng vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng). Sau khi vay, bỏ để chị C mất, anh V đưa toàn bộ số tiền cho chị C lo ma chay, chi tiêu trong gia đình. Nay ly hôn, chị C, anh V thỏa thuận, chị C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho ngân hàng chính sách.

- **Về án phí:** Chị Triệu Mùi C và anh Hoàng Quỳ V là cá nhân thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mã Nguyệt Thu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm.....,
giữa⁽²⁾:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.....tháng.....năm

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày... tháng..... năm là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ⁽³⁾.....

.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁴⁾

.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).